

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN SĨ**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN SĨ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Tân	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Vũ Minh Tâm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phạm Thị Ngọc Liên	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Thành	GV, Tổ trưởng Tổ Bộ môn	Thư ký Hội đồng	
5	Phan Thúy Hằng	GV, Tổ trưởng Tổ 1	Ủy viên Hội đồng	
6	Phạm Thị Kim Oanh	GV, Tổ trưởng Tổ 2	Ủy viên Hội đồng	
7	Đoàn Thị Thanh Nhân	GV, Tổ trưởng Tổ 3	Ủy viên Hội đồng	
8	Lê Thụy Thúy Vy	GV, Tổ trưởng Tổ 4	Ủy viên Hội đồng	
9	Đặng Thị Lan Hương	GV, Tổ trưởng Tổ 5	Ủy viên Hội đồng	
10	Diệp Duy Trán	TPT- Tổ trưởng Tổ VP	Ủy viên Hội đồng	
11	Phạm Thị Thu Hằng	GV, Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
12	Hạp Thị Ngọc Lý	GV, Bí thư Chi Đoàn	Ủy viên Hội đồng	
13	Dương Hoàng Bảo Ngọc	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẠT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	14
Tiêu chí 1.2	16
Tiêu chí 1.3	17
Tiêu chí 1.4	19
Tiêu chí 1.5	20
Tiêu chí 1.6	21
Tiêu chí 1.7	23
Tiêu chí 1.8	24
Tiêu chí 1.9	25
Tiêu chí 1.10	26
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	28
Tiêu chuẩn 2	29
Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1	29
Tiêu chí 2.2	30
Tiêu chí 2.3	32
Tiêu chí 2.4	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	35
Tiêu chuẩn 3	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 3.1	35
Tiêu chí 3.2	37
Tiêu chí 3.3	38
Tiêu chí 3.4	40
Tiêu chí 3.5	42
Tiêu chí 3.6	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	45
Tiêu chuẩn 4	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 4.1	46
Tiêu chí 4.2	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	49

Tiêu chuẩn 5	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 5.1	50
Tiêu chí 5.2	51
Tiêu chí 5.3	53
Tiêu chí 5.4	54
Tiêu chí 5.5	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	56
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	57
Phần IV. PHỤ LỤC	59

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	—
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x		—
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	—
Tiêu chí 1.8		x	x	—
Tiêu chí 1.9		x	x	—
Tiêu chí 1.10		x	x	—
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		

Tiêu chí 3.4		x		—
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	—
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ

Tên trước đây (nếu có): Trường Cấp 1, 2 Nguyễn Minh Chiểu

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh
Quận	Tân Bình
Phường	1
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1970
Công lập	✓
Tư thục	Không
Trường chuyên biệt	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Tân
Điện thoại	(028) 38476934 (028) 38443221
Fax	Không
Website	thlevansi.hcm.edu.vn
Số điểm trường	01
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 1	8	7	7	5	5
Khối lớp 2	7	8	7	7	5
Khối lớp 3	8	7	8	7	7
Khối lớp 4	8	8	7	8	7
Khối lớp 5	8	7	7	7	7
Cộng	39	37	36	34	31

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	42	42	42	42	42	
1	Phòng học	32	32	32	32	32	
a	Phòng kiên cố	32	32	32	32	32	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	2	2	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	1	1	1	1	1	
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	6	6	6	6	6	
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, Khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng	42	42	42	42	42	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1			1		
Phó hiệu trưởng	2	2			2		
Giáo viên	45	39		4	38	3	
Nhân viên	11	8	1	2	6	3	
Cộng	59	50	1	6	47	6	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	51	51	46	48	46
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	49/39 1,26	51/37 1,38	46/36 1,27	48/36 1,33	48/34 1,41
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	49/1651 0,029	51/1516 0,034	46/1444 0,031	48/1448 0,033	48/1293 0,037
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	9	9	8	8	9
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	01	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1651	1516	1444	1448	1293	
	- Nữ	801	754	714	718	643	
	- Dân tộc thiểu số	29	36	35	32	26	
	- Khối lớp 1	319	257	258	312	195	
	- Khối lớp 2	335	311	259	261	301	
	- Khối lớp 3	323	329	302	252	254	
	- Khối lớp 4	309	320	320	309	242	
	- Khối lớp 5	365	299	305	314	301	
2	Tổng số tuyển mới	325	275	277	320	205	
3	Học 2 buổi/ngày	1060	1056	1029	1099	1125	
4	Bán trú	1060	1056	1029	1089	1108	
5	Nội trú						
6	Bình quân số học sinh/lớp học	1651/ 39 42,3	1516/ 37 41,0	1444/36 40,1	1448/36 40,2	1293/34 38,0	

7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1637/ 1651 99,2%	1500/ 1516 98,9%	1429/ 1444 98,9%	1431/ 1448 98,8	1277/ 1293 98,7	
	- Nữ	812	742	707	713	638	
	- Dân tộc thiểu số	29	36	35	31	25	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)						
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	23	28	18	9	2	
	- Nữ	11	12	8	7	1	
	- Dân tộc thiểu số						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	10	42	47	33	35	
...	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	318 100%	257 100%	257 100%	310 100%	194 100%	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,9%	99,7%	99,8%	99,5%	99,6%	
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	98%	98,7%	99,3%	99,4	99,7	
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

- Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ được xây dựng trước năm 1970 với tên gọi trường Cấp 1, 2 Nguyễn Minh Chiêu. Trường chính thức mang tên Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ theo quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 01/02/1996. Địa chỉ số 322, Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 01, quận Tân Bình.

- Trường có tổng diện tích đất sử dụng là 2630 m², gồm 32 phòng học và 10 phòng chức năng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên trường sạch sẽ, có nhiều bóng mát cho học sinh vui chơi.

- Tập thể sư phạm nhà trường luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo, luôn học hỏi, tìm tòi và vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của học sinh. Trình độ chuyên môn của giáo viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy, có 84,4% giáo viên đạt trình độ chuẩn, 6,7% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Trường đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm rèn kỹ năng sống, hình thành nhân cách, phát triển năng khiếu cho học sinh. Tổ chức tốt các đợt sinh hoạt truyền thống, lễ hội, tham quan dã ngoại, công tác từ thiện. Nổi bật nhất là hoạt động Đội và phong trào thể dục thể thao, nhà trường đã đạt nhiều thành tích cấp quận, cấp thành phố.

- Học sinh của trường đa số là con em cán bộ, công chức. Một số học sinh là con em người lao động có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế. Cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập của các em. Tuy vậy các thầy cô giáo cũng đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, lòng yêu thương học sinh, tận tình giúp các em tiến bộ. Kết quả giảng dạy hàng năm: Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt từ 99,5% trở lên.

- Với những nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường, Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng III vào ngày 10/11/2005; nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/02/2001 và ngày 17/01/2013; nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12/12/1998; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng Cờ thi đua năm học 2012-2013 vào ngày 01/10/2013, Cờ thi đua năm học 2013-2014 vào ngày 14/8/2014 và Cờ thi đua năm học 2014-2015 vào ngày 26/8/2015; nhiều năm liền trường được công nhận “Tập thể lao động xuất sắc”; đặc biệt nhất là năm học 2017-2018, trường đã đạt Huân chương Lao động hạng Nhì (Quyết định số 77/QĐ-CTN ngày 14/01/2019 của Chủ tịch nước).

2. Mục đích tự đánh giá

- Xác định trường tiểu học đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà

nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

- Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (CQG).

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá: Hiệu trưởng ra Quyết định số 98/QĐ-LVS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục gồm 13 thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 25, Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá do Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá phê duyệt gồm các nội dung:

- + Mục đích và phạm vi tự đánh giá;
- + Công cụ đánh giá;
- + Phân công nhiệm vụ cho nhóm thư ký, từng thành viên trong các nhóm công tác;
- + Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá cho hội đồng tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên;
- + Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động;
- + Dự kiến các minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí;
- + Xác định thời gian thực hiện cho từng hoạt động.

- Từ ngày 23 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: Thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được; lập bảng Danh mục mã minh chứng; các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.

- Từ ngày 04 tháng 01 năm 2021 đến ngày 15 tháng 01 năm 2021: Hội đồng TĐG thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG; các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí; thu thập, xử lý minh chứng bổ sung; dự thảo báo cáo TĐG.

- Từ ngày 18 tháng 01 năm 2021 đến ngày 29 tháng 01 năm 2021: Hội đồng TĐG để kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan; tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG.

- Từ ngày 01 tháng 02 năm 2021 đến ngày 05 tháng 03 năm 2021: Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp; đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Từ ngày 08 tháng 3 năm 2021 đến ngày 12 tháng 3 năm 2021: Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành; gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp; công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường); tổ chức bảo quản báo cáo TĐG, các minh chứng theo quy định.

- Từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 19 tháng 3 năm 2021: Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi nộp về Phòng Giáo dục và Đào tạo; tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ có quyết định đổi tên cơ cấu khung theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình. Thời điểm hiện tại, trường có 31 lớp với 1130 học sinh. Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng; Hội đồng trường gồm 11 thành viên; Chi bộ Đảng gồm 19 đảng viên, tổ chức Công đoàn gồm 78 công đoàn viên, có tổ chức Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức và quản lý đúng theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn. Các hội đồng, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể trong nhà trường có quyết định thành lập và hoạt động tích cực mang lại hiệu quả thiết thực. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định.

Trường thực hiện quản lý tốt đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) và các hoạt động giáo dục; đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong mọi hoạt động; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh (HS) và cho CB, GV, NV; thực hiện tốt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong hoạt động tổ chức bếp ăn bán trú cho học sinh.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có xây dựng Kế hoạch số 165/KH-LVS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]. Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Bình phê duyệt và niêm yết công khai tại bản tin nhà trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Định kỳ hàng năm, trường có tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện [H1-1.1-02]; Hội đồng trường có tiến hành giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 3:

Trường có tổ chức cho các thành viên của Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên góp ý xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]. Chưa tổ chức cho cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia góp ý xây dựng kế hoạch chiến lược.

Định kỳ trường có thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế tại đơn vị [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Đơn vị đã thực hiện tốt việc tổ chức cho CB, GV, NV và CMHS tham gia, góp ý xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và phát huy được thế mạnh của đơn vị.

Định kì hàng năm có thực hiện giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và bổ sung điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia, góp ý xây dựng của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Căn cứ mục tiêu giáo dục, yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, tình hình thực tế tại đơn vị, trong năm học 2021-2022, tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trong CB, GV, NV, CMHS và cộng đồng để có điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường phù hợp nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường Tiểu học Lê Văn Sĩ nhiệm kì 2019-2024 được thành lập theo Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình [H1-1.2-01]. Hội đồng trường họp thường kì ít nhất ba lần trong một năm [H1-1.1-04]. Hội đồng trường ra Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.2-02]. Hội đồng trường thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-03].

Hội đồng thi đua khen thưởng của trường do hiệu trưởng thành lập vào

đầu mỗi năm học với đủ thành viên quy định tại Khoản 1, Điều 12 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-03]. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng trưởng tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn tổ chức phát động thi đua và giám sát việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết, xét và đề nghị khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường; kiến nghị đề xuất về công tác thi đua, khen thưởng [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Hiệu trưởng có ra quyết định thành lập các hội đồng tư vấn giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động quản lý và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng quyết định như: Hội đồng tự đánh giá; Hội đồng thẩm định sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục; Ban kiểm tra nội bộ, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở... [H1-1.2-06].

Các hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn được định kỳ rà soát, đánh giá [H1-1.1-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.1-02]; [H1-1.2-07].

Mức 2:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn được thành lập theo đúng quy định tại Điều lệ trường Tiểu học, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giúp hiệu trưởng tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện tốt công tác chuyên môn, quản lý, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các điểm mạnh đã đạt được.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban Chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022 được công nhận theo Quyết định số 55/QĐ-CDGD ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Công đoàn Giáo dục quận Tân Bình và Quyết định số 61/QĐToC-LĐLĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Liên đoàn Lao động quận Tân Bình. Tổ chức Công đoàn trường gồm 78 Công đoàn viên [H10-1.3-01].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 11 đoàn viên. Hàng năm, có quyết định về việc chuẩn y Bí thư, phó bí thư Chi đoàn [H11-1.3-02].

Trường có tổ chức Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh [H9-1.3-03]; [H9-1.3-04].

Chi hội Khuyến học Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ có 11 thành viên gồm Chi hội trưởng, 02 chi hội phó và 9 hội viên [H3-1.3-05].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh và Chi hội Khuyến học hoạt động trong trường tiểu học theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H10-1.3-06]; [H11-1.3-07]; [H9-1.3-08]; [H3-1.3-09].

Hàng năm, các đoàn thể đều thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm các mặt hoạt động [H10-1.3-10]; [H11-1.3-11]; [H9-1.3-12]; [H3-1.3-13].

Mức 2 và mức 3:

Trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam là Chi bộ Tiểu học Lê Văn Sĩ với 19 đảng viên [H1-1.3-14]. Cơ cấu tổ chức của Chi bộ có chi ủy, bí thư, phó bí thư theo đúng quy định tại Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-15].

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường tiểu học lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-16]; [H1-1.3-17].

Năm 2015 và năm 2016, chi bộ tiểu học Lê Văn Sĩ đạt chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu; năm 2017 đạt chi bộ trong sạch vững mạnh; năm 2018, 2019 và năm 2020, đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-18].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực, hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, hằng năm, đạt nhiều thành tích cao và được các cấp có thẩm quyền khen thưởng [H1-1.3-19].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động chủ động, tích cực, phát huy tốt vai trò, luôn đoàn kết và có sự phối hợp tốt với chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường và đã mang lại hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các điểm mạnh đã đạt được. Tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo quy định và phối hợp cùng nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

Cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn, tổ văn phòng của nhà trường thực hiện đúng theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ trường tiểu học. Trường có 6 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn có tổ trưởng, tổ có từ 7 thành viên trở lên có tổ phó theo đúng quy định [H1-1.4-02].

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cụ thể theo tuần, tháng, năm học. Các kế hoạch của tổ chuyên môn đều được phó hiệu trưởng phê duyệt [H2-1.4-03]. Tổ chuyên môn thực hiện tốt các nhiệm vụ: Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường; căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học; thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt; đề xuất hiệu trưởng phân công giáo viên dạy và giáo viên chủ nhiệm lớp theo năm học; tổ chức cho giáo viên thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng [H2-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng: thực hiện công tác văn thư; nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê theo chế độ quy định; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó [H4-1.4-06]; [H5-1.4-07]; [H1-1.4-08]

Mức 2 và mức 3:

Hàng năm, các tổ chuyên môn luôn chủ động đề xuất và thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H2-1.4-09]; [H1-1.4-10].

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H2-1.4-03]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch đầy đủ, sát với điều kiện thực tế; nội dung sinh hoạt chuyên môn đúng trọng tâm; quản lý, kiểm tra công tác đánh giá chất lượng giáo viên, học sinh trong tổ khối thường xuyên, chặt chẽ; thực hiện tốt các nhiệm vụ của tổ theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng quan tâm tạo điều kiện hơn nữa để phát huy tối đa vai trò của tổ trưởng, tổ phó trong việc tổ chức, quản lý hoạt động của tổ, kịp thời động viên, khích lệ việc thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, học sinh được tổ chức theo lớp học [H4-1.5-01].

Lớp học có có lớp trưởng và các lớp phó. Học sinh trong lớp được chia thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó. Lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong lớp, trong tổ bầu chọn và luân phiên trong năm học. Hình thức tổ chức lớp học được thực hiện linh hoạt phù hợp với từng đối tượng và điều kiện thực tế [H4-1.5-02].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, hợp tác [H4-1.5-03], [H1-1.5-04].

Mức 2:

Trường có 31 lớp [H2-1.5-05]. Sĩ số học sinh trong một lớp trung bình là 37 em, vượt quá sĩ số theo quy định [H2-1.5-05].

2. Điểm mạnh

Học sinh được tổ chức theo lớp học, những lớp học cùng trình độ được lập thành khối lớp theo quy định.

3. Điểm yếu

Số lớp nhiều hơn quy định là 1 lớp.

Sĩ số HS/lớp vượt quá so với quy định (trung bình 37 HS/lớp).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tham mưu, kiến nghị với Phòng Giáo dục và Đào tạo phân bổ số lượng tuyển sinh lớp Một để giảm dần số lớp và giảm sĩ số học sinh/lớp. Cụ thể năm 2019-2020 và năm học 2020-2021 chỉ thực hiện tuyển sinh 5 lớp Một. Tiếp tục có kế hoạch giảm số lớp đầu vào và giảm sĩ số học sinh ở các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hồ sơ, văn bản nhà trường lưu trữ đầy đủ khoa học theo quy định: Sổ đăng bộ [H4-1.6-01]; sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H4-1.6-02]; hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật [H3-1.6-03]; học bạ của học sinh [H4-1.6-04]; sổ họp CB, GV, NV [H1-1.6-05]; kế hoạch công tác [H1-1.6-06]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-07]; sổ khen thưởng, kỉ luật [H4-1.6-08]; sổ quản lí tài sản, tài chính [H5-1.6-09]; sổ quản lí các văn bản [H4-1.6-10].

Thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H5-1.4-06]. Hằng năm, lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất theo đúng quy định [H5-1.4-06]. Triển khai thực hiện tốt việc công khai tài chính theo quy định [H5-1.6-11]; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H5-1.6-12]; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H5-1.6-13].

Mức 2:

Có thực hiện các phần mềm quản lý văn bản, Pmis, Epmis, công thông tin điện tử [H4-1.6-14]; phần mềm Imax 12, phần mềm quản lý tài sản [H5-1.6-15]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H5-1.4-06].

Mức 3:

Trường có xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H5-1.6-09]. Trường triển khai hiệu quả việc thực hiện tài trợ góp sức xây dựng nhà trường [H5-1.4-16].

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Đảm bảo tốt công tác tự kiểm tra tài chính, công khai, minh bạch trong nhà trường. Quản lý sử dụng hiệu quả nguồn tài chính tại đơn vị.

Huy động tốt các nguồn lực hợp pháp để xây dựng phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thực hiện đề án SSC (Đề án thu phí không dùng tiền mặt).

Phát huy hơn nữa việc thực hiện tự kiểm tra tài chính và thực hiện công khai trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, trường luôn quan tâm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

Trước khi phân công nhiệm vụ cho đội ngũ, thực hiện phiếu thăm dò nguyện vọng, năng lực của giáo viên, nhân viên [H1-1.7-02]. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phát huy được sở trường của cá nhân, đảm bảo hiệu quả các hoạt động trong nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.7-03].

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định: Được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh [H10-1.3-10]; [H1-1.7-04], được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học [H1-1.7-01], được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi và các chính sách khác theo quy định; được thay đổi hạng chức danh nghề nghiệp [H5-1.7-05], được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, sức khỏe, hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần khác theo quy định [H8-1.7-06]; [H1-1.7-07]; [H1-1.7-08]; [H1-1.7-09].

Mức 2:

Tổ chức tốt chuyên đề, lớp bồi dưỡng, sinh hoạt tổ chuyên môn, các hội thi, các đợt thi đua để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H2-1.4-09]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-10]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ CB, GV, NV, phân công nhiệm vụ phù hợp, phát huy được năng lực, sở trường của từng cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Quan tâm và thực hiện tốt việc đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng của giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy những mặt mạnh đã đạt được trong công tác quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. Trong năm 2021, tiếp tục động viên và cử giáo viên tham gia các lớp trung cấp lý luận chính trị và lớp bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có xây dựng kế hoạch giáo dục gồm hoạt động dạy học các môn học và hoạt động giáo dục trải nghiệm nhằm hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất, bồi dưỡng năng khiếu, giúp đỡ học sinh yếu phù hợp với quy định hiện hành, đặc điểm tâm lý, sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục được triển khai thực hiện đầy đủ [H1-1.6-06].

Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.2-07].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp, triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao góp tạo cho nhà trường ngày càng phát triển.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy công tác quản lý các hoạt động giáo dục, Tăng cường các nội dung giáo dục trải nghiệm nhằm hình thành, phát triển năng lực

và phẩm chất cho học sinh, giúp học sinh phát triển toàn diện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường triển khai thực hiện quy chế dân chủ theo đúng quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ và Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Đảm bảo tốt việc công khai, dân chủ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-04]; [H1-1.6-05]; [H13-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Nhà trường kịp thời giải quyết các gút mắc nhỏ, các kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định. Nhiều năm liền không có trường hợp khiếu nại, tố cáo trong đơn vị [H1-1.9-04].

Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-05].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H13-1.9-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.9-05]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở theo quy định. Đảm bảo việc công khai, dân chủ, phát huy và tập hợp được sức mạnh của tập thể trong góp ý xây dựng và thực hiện các kế hoạch, quy chế, nội quy của nhà trường. Xây dựng được tập thể đoàn kết, vững mạnh.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Tăng cường hơn nữa việc khuyến khích, tạo điều kiện cho CB, GV, NV và CMHS góp ý xây dựng nhà trường. Thường xuyên thực hiện công khai, minh bạch trong các hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường luôn quan tâm thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học: Có phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H8-1.10-02]; [H8-1.10-03]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H8-1.10-04]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H8-1.10-05]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H8-1.10-06]; phòng, chống dịch bệnh [H8-1.10-07]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H8-1.10-08]; Trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H8-1.10-09].

Trường có hộp thư góp ý trước của phòng Hiệu trưởng và phòng giáo viên [H1-1.10-10]. Công khai số điện thoại của trường và email của Hiệu trưởng trên

cổng thông tin điện tử để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H14-1.10-11].

Thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.10-01], [H8-1.10-12].

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.10-01], [H8-1.10-12].

Mức 2:

Trường thực hiện phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H8-1.10-05]; [H8-1.10-07]; [H8-1.10-08]; [H1-1.1-02]; [H8-1.10-12].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có hiện tượng bạo lực học đường, mất an ninh trật tự xảy ra trong nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-05]; [H9-1.10-13].

2. Điểm mạnh

Trường luôn quan tâm triển khai thực hiện công tác an toàn, an ninh trật tự trường học. Tổ chức tốt các chuyên đề tuyên truyền an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Định kì hàng năm có tổ chức diễn tập phương án di tản học sinh khi có cháy, nổ, hình thành tốt kĩ năng thoát hiểm cho học sinh.

3. Điểm yếu

Còn xảy ra một số va chạm gây thương tích nhẹ cho học sinh vào giờ ra chơi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên sinh hoạt nhắc nhở học sinh không chơi chạy rượt đuổi, đá bóng, nhảy dây, đánh cầu lông vào giờ chơi vì diện tích sân trường nhỏ, không đủ không gian. Tăng cường vẽ thêm nhiều trò chơi dân gian trên sân để học sinh chơi: Nhảy lò cò, ô ăn quan ...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Cơ cấu tổ chức nhà trường thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức

khác, Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, tổ chuyên môn, tổ văn phòng trong nhà trường hoạt động chủ động, tích cực, phát huy tốt vai trò, luôn đoàn kết và có sự phối hợp tốt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường và đã mang lại hiệu quả cao.

Quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ CB, GV, NV, phân công nhiệm vụ phù hợp, phát huy được năng lực, sở trường của từng cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tăng cường được các hoạt động trải nghiệm, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Trường triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở theo quy định. Đảm bảo việc công khai, dân chủ, phát huy và tập hợp được sức mạnh của tập thể. Xây dựng được tập thể đoàn kết, vững mạnh.

Trường luôn quan tâm triển khai thực hiện công tác an toàn, an ninh trật tự trường học. Đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV và học sinh.

Điểm yếu cơ bản:

Số lớp học nhiều hơn quy định là 1 lớp.

Số học sinh trong một lớp vượt quá quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 1/10 (tiêu chí 1.5)

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu các Mức 2, 3 (nếu có): 9/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường đáp ứng được các yêu cầu cơ bản theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực và kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý nhà trường. Giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Có đủ nhân viên đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. HS đảm bảo quy định về độ tuổi, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ HS tiểu học và được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường tiểu học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định: Có trình độ chuyên môn là Đại học sư phạm, đã được cấp chứng chỉ khóa bồi dưỡng hiệu trưởng trường tiểu học. Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên [H1-1.6-07].

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại từ mức khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H1-2.1-01].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H1-1.6-07]; [H1-2.1-02].

Mức 2, mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại từ mức khá trở lên [H1-2.1-01].

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã có bằng Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.6-07].

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng luôn được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H1-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng của trường đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định, có trình độ chính trị, chuyên môn, quản lý vững vàng, được tập thể tín nhiệm.

Nhiều năm liền, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được xếp loại tốt hoặc loại khá theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý tiếp tục việc tự học, tự bồi dưỡng, tự rèn luyện về mọi mặt để nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Trường có 45 giáo viên, đủ giáo viên so với quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H4-2.1-04].

Trường thiếu giáo viên Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh do không tuyển được. Hiện tại đang hợp đồng Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.6-07].

Trường có 91,1% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H4-2.1-04].

Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H1-1.4-05].

Mức 2, mức 3:

Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 6,7% [H4-2.1-04]; [H4-1.6-14];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 91,7% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1.4-05]. Cụ thể như sau:

Năm học	Xuất sắc		Khá		Trung bình	
	SL	%	SL	%	SL	%
2015 - 2016	44	89,8	5	10,2		
2016 - 2017	39	76,5	11	21,6	1	1,9
2017 - 2018	37	86,0	6	14,0		

Năm học 2019-2020 kết quả đánh giá như sau:

Năm học	Tốt		Khá		Đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%
2019-2020	10	21,7	36	78,3		

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H4-2.2-01]; [H1-1.1-02]; [H10-1.3-10].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên cao.

3. Điểm yếu

Chưa có giáo viên biên chế Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Hiện tại đang hợp đồng trường Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Còn có 4/45 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2021, nhà trường tiếp tục đề nghị tuyển bổ sung giáo viên Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Tiếp tục động viên, tạo mọi điều kiện để 4 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo học tập đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2022, có thêm ít nhất 2 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường hiện có 08 nhân viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao: Có 01 nhân viên hỗ trợ khuyết tật và kiêm nhiệm làm công tác y tế trường học, 01 nhân viên văn thư kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên thư viện-thiết bị, 1 nhân viên công nghệ thông tin, 01 nhân viên vệ sinh, 02 nhân viên bảo vệ [H4-2.1-04].

Nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H4-2.3-01]; [H1-1.6-07];

Nhân viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H1-1.4-07].

Mức 2, mức 3:

Trường chưa có viên chức kế toán, thiếu 1 nhân viên vệ sinh diện hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP do không tuyển được, hiện tại đang thực hiện hợp đồng trường [H4-2.1-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật [H4-2.2-01]; [H1-1.1-02]; [H10-1.3-10].

Nhân viên văn thư có trình độ Cao đẳng hành chính. Nhân viên hỗ trợ khuyết tật có trình độ có trình độ trung cấp nha khoa và có chứng chỉ hỗ trợ giáo dục khuyết tật. Nhân viên làm công tác thư viện-thiết bị giáo dục có trình độ đại học ngữ văn và trung cấp thư viện-thiết bị, nhân viên thủ quỹ có trình độ đại học kế toán [H1-1.6-07]. Hằng năm, tất cả các nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H1-2.1-02].

Nhân viên bảo vệ, vệ sinh diện hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đã có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí công việc và được bồi dưỡng về công tác phòng cháy, chữa cháy; công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.6-

07]; [H1-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có tinh thần trách nhiệm đoàn kết, hỗ trợ nhau trong công tác, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Trường chưa có viên chức kế toán, thiếu 1 nhân viên vệ sinh diện hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2021, xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân viên kế toán khi có các văn bản hướng dẫn thực hiện, tiếp tục tuyển bổ sung 1 nhân viên vệ sinh diện hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

HS của nhà trường đảm bảo quy định về độ tuổi theo Điều 33, Điều lệ trường tiểu học, không có HS học sớm tuổi [H4-1.5-01]; [H4-1.6-01].

HS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 34, Điều lệ trường tiểu học [H4-2.4-01]; [H1-1.1-02].

HS được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35, Điều lệ trường tiểu học. HS trong nhà trường luôn được quan tâm bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng, dân chủ [H1-1.1-02].

Mức 2, mức 3:

HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, có biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H1-1.1-02]; [H4-1.5-02]; [H12-2.4-02];

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-2.4-03].

2. Điểm mạnh

HS đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện tốt nhiệm vụ của HS tiểu học, được nhà trường đảm bảo mọi quyền theo quy định tại Điều 35, Điều lệ trường tiểu học.

HS đạt nhiều thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy việc tạo điều kiện để mọi học sinh được đảm bảo tốt nhất các quyền theo quy định. Thường xuyên quan tâm giáo dục học sinh nhằm hình thành ý thức tự giác thực hiện các nhiệm vụ của học sinh tiểu học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý năng động, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và được tập thể tin nhiệm.

Đội ngũ GV có tinh thần trách nhiệm cao, luôn chấp hành tốt quy chế của ngành và nội quy của trường, trình độ chuyên môn vững.

NV luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

HS đi học đúng độ tuổi, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh và được đảm bảo các quyền theo quy định. HS đạt nhiều thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

Điểm yếu cơ bản:

Chưa có giáo viên biên chế Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Chưa có viên chức kế toán, thiếu 1 nhân viên vệ sinh diện hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

Còn có 4/45 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 2/4 (tiêu chí 2.2 và tiêu chí 2.3)

Số lượng tiêu chí yêu cầu các Mức 2, 3 (nếu có): 2/4.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, trường luôn chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ việc dạy và học có hiệu quả.

Trường có hàng rào bao quanh, cổng trường, biển tên trường và môi trường xanh, sạch, đẹp. Nhà trường có đủ phòng học và có một số phòng chức năng phục vụ cho công tác quản lý và giáo dục.

Thư viện nhà trường được công nhận Thư viện xuất sắc. Trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh được trang bị theo đầy đủ quy định.

Trường có sân chơi, khu nhà để xe, khu vệ sinh riêng cho giáo viên, học sinh, có hệ thống tự hoại, hệ thống cấp, thoát nước theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khuôn viên riêng biệt, cơ sở vật chất khang trang, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, thoáng mát và tạo sự gần gũi, thân thiện góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động giáo dục [H1-3.1-01]; [H4-3.1-02].

Trường có 01 cổng chính và 01 cổng phụ bằng sắt chắc chắn, cổng chính của trường có biển tên trường rõ ràng, trang nhã, dễ đọc. Khuôn viên của trường có hàng rào bảo vệ bằng tường xây đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ [H4-3.1-03].

Trường có sân chơi, sân tập thể thao được lát gạch bằng phẳng, có cây xanh tạo bóng mát, đảm bảo cho việc vui chơi và an toàn cho học sinh [H4-3.1-04].

Mức 2, 3:

Khuôn viên trường với tổng diện tích 2630 m². Trường có 1130 học sinh, bình quân 2,3 m²/1 HS, chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-3.1-01].

Sân chơi, sân tập thể dục có diện tích 1377m²/2630 m², đạt tỷ lệ 52,4% đảm bảo diện tích sân vườn quy định tại điểm b, Khoản 9, Điều 11 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5-3.1-05].

Trường có sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H4-3.1-04].

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, được trồng nhiều cây xanh, cây bóng mát, có trụ bóng râm cho học sinh luyện tập, tuy nhiên chưa có đồ chơi, thiết bị vận động khác cho học sinh [H4-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên sạch, đẹp, sân trường bằng phẳng, có hệ thống cây xanh tạo bóng mát.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 8m²/1HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường tích cực tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân quận Tân Bình để có kế hoạch xây mới trường đồng thời giảm số lớp tuyển sinh đầu vào hằng năm nhằm đảm bảo chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 32 phòng học với 31 lớp, bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh [H1-3.2-01]. Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh về vệ sinh trường học [H4-3.2-02].

Bàn, ghế của học sinh là bàn ghế rời, đúng tiêu chuẩn, số lượng bàn ghế đảm bảo đủ chỗ cho học sinh ngồi; mỗi lớp học đều trang bị 01 bộ bàn ghế cho giáo viên [H4-3.2-03]. Mỗi lớp học có 01 bảng từ chống lóa nền xanh, kích thước 3.6m x 1.2m theo đúng quy định, đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế [H4-3.2-04].

Mỗi lớp học đều được trang bị hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ. Đa số các lớp được lắp máy lạnh để sử dụng khi thời tiết nóng thuận lợi cho việc dạy và học [H4-3.2-02].

Mức 2:

Đa số các phòng học đều có diện tích 56m², có 10 phòng học có diện tích chưa đúng quy định [H5-3.1-05]. Các phòng học chỉ có 01 cửa ra vào [H4-3.2-02].

Tủ đựng thiết bị dạy học được trang bị đủ cho các lớp và có đủ các thiết bị dạy học phù hợp, được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H4-3.2-02]; [H6-3.2-05].

Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh đảm bảo theo quy định của Thông tư liên tịch 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H4-3.2-03].

Mức 3:

Trường có 01 phòng học môn Ngoại ngữ [H4-3.2-02]. Trường chưa có

phòng để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

2. Điểm mạnh

Các phòng học được trang bị hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ đầy đủ. Đa số các lớp được lắp máy lạnh để sử dụng thuận lợi cho việc dạy và học.

Các lớp được trang bị tủ thiết bị dạy học đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Bàn ghế học sinh có kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc đảm bảo theo quy định

3. Điểm yếu

- Còn có 10 phòng học diện tích nhỏ chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định.
- Các phòng học chỉ có 01 cửa ra vào.
- Trường chưa có phòng để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tích cực tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận Tân Bình để có kế hoạch xây mới trường nhằm đảm bảo tiêu chuẩn về phòng học theo quy định.
- Từ năm 2021-2022, xây dựng kế hoạch tuyển sinh giảm dần số lớp hằng năm để sắp xếp có các phòng học bộ môn theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 01 phòng tin học, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị [H1-3.2-01]; [H4-3.3-01]. Trường chưa có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng truyền thông, phòng hoạt động Đội.

Khối phòng hành chính - quản trị gồm 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng giáo viên, 01 văn phòng; 01 phòng y tế học đường; 01 kho [H1-3.2-01]; [H4-3.3-02]. Các phòng có đủ trang thiết bị để làm việc: Máy tính kết nối mạng internet, máy in, máy lạnh, bàn, ghế, tủ. Phòng y tế có 02 giường, có trang bị tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh theo danh mục thuốc y tế, có máy khám chữa răng cho học sinh [H4-3.3-02] [H8-3.3-03]; [H5-3.3-04].

Nhà trường có khu đỗ xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên riêng biệt được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H4-3.3-05].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 24 m², phòng hiệu trưởng có diện tích 24 m², phòng phó hiệu trưởng có diện tích 24 m² đảm bảo đủ diện tích theo quy định [H5-3.1-05]. Phòng y tế có diện tích 18 m², kho có diện tích 9 m² chưa đảm bảo theo quy định [H5-3.1-05]

Nhà trường có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu dùng chung [H4-3.3-06].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Việc bố trí vị trí phòng y tế chưa hợp lý, khoa học [H1-3.2-01]; [H4-3.3-01]; [H4-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Khối phòng phục vụ học tập: Thư viện, thiết bị, tin học có đầy đủ các thiết bị, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

Các phòng hành chính - quản trị có đủ trang thiết bị để làm việc.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng truyền thông, phòng hoạt động Đội, phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập.

Phòng y tế và kho có diện tích chưa đảm bảo theo quy định.

Việc bố trí vị trí phòng y tế chưa hợp lý, khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Từ năm học 2021-2021, xây dựng kế hoạch tuyển sinh giảm dần số lớp hằng năm để sắp xếp có đủ các phòng hỗ trợ học tập theo quy định
- Trường tích cực tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân quận Tân Bình để khi thiết kế xây mới trường đảm bảo chuẩn về diện tích các phòng theo quy định và có thể sắp xếp bố trí các phòng được hợp lý hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 02 khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ giáo viên, nhân viên; 04 khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ học sinh được bố trí ở tầng trệt, hai đầu dãy khu A và khu B. Nhà vệ sinh luôn đảm bảo khô ráo, sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường. Khu vệ sinh chưa đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H4-3.4-01]; [H1-3.2-01].

Trường có hệ thống thoát nước xung quanh trường theo thiết kế đảm bảo không ngập nước và đảm bảo vệ sinh môi trường [H5-3.1-05]. Trong những năm qua, trường sử dụng nguồn nước sinh hoạt do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn chi nhánh Tân Hòa cung cấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H5-3.4.02]. Nguồn nước uống của học sinh và giáo viên là nước đóng chai do I-on Life cung cấp đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh [H1-3.4-03].

Trường có khu vực tập kết rác có mái che. Khu vực sân chơi, từng dãy lầu có trang bị thùng rác, có quy định phân loại rác để học sinh và giáo viên sử dụng [H4-3.4-04]. Trường có hợp đồng với Công ty Dịch vụ công ích quận Tân Bình thu gom rác hằng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H7-3.4-05].

Mức 2:

Khu vệ sinh của trường có trang bị quạt, máy sấy tay, trang bị hệ thống loa phát nhạc, luôn khô ráo, sạch sẽ. Tuy nhiên khu vệ sinh chỉ có ở tầng trệt nên chưa đảm bảo thuận tiện cho giáo viên và học sinh [H4-3.4-01]; [H1-3.2-01].

Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H7-3.4-02]. Trường có hệ thống thoát nước xung quanh trường theo thiết kế đảm bảo không ngập nước và đảm bảo vệ sinh môi trường [H5-3.1-05]. Trường có hợp đồng với Công ty Dịch vụ công ích quận Tân Bình thu gom rác hằng ngày và hợp đồng với trạm y tế Phường 1 thu gom rác thải y tế độc hại theo quy định đảm bảo tốt vệ sinh môi trường tại đơn vị [H5-3.4-05]; [H8-3.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ. Nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, khô ráo có trang bị máy sấy tay, hệ thống loa phát nhạc. Hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh, có đủ nước sạch cho giáo viên và học sinh sinh hoạt.

3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh chỉ có ở tầng trệt chưa thuận tiện cho giáo viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường tiếp tục tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân quận Tân Bình để có kế hoạch xây mới trường nhằm đáp ứng yêu cầu quy định về thuận tiện của nhà vệ sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động trong nhà trường như: 01 máy photocopy, 09 máy in, 14 máy vi tính để bàn đều được kết nối internet, 06 máy tính xách tay phục vụ tốt hoạt động của nhà trường [H5-1.6-09].

Nhà trường trang bị đủ cho mỗi giáo viên có 01 bộ đồ dùng dạy học theo danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H6-3.5-01]. 100% giáo viên tích cực sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp [H6-3.5-02].

Hằng năm có kiểm kê, kịp thời sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy [H6-3.5-03]; [H6-3.5-04].

Mức 2:

100% các máy tính của trường được kết nối internet để phục vụ trong công tác quản lý và hoạt động dạy học, trang bị hệ thống wifi phủ sóng toàn trường [H1-3.5-05]; [H5-3.5-06].

Đa số các lớp học được trang bị máy chiếu, ti vi hoặc bảng tương tác [H6-3.5-01]. Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị dạy học hiện đại như máy chiếu, ti vi, bảng tương tác [H6-3.5-02].

Hằng năm nhà trường thường xuyên bổ sung thiết bị dạy học bằng nguồn kinh phí ngân sách, quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp và nguồn xã hội hóa nhằm tăng thêm những thiết bị dạy học hiện đại [H6-3.5-03]; [H6-3.5-04]; [H5-1.6-16]. Bên cạnh đó, trường cũng thường xuyên tổ chức các hội thi làm đồ dùng dạy học để đa dạng hóa đồ dùng, phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy [H6-3.5-07].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được đa số giáo viên khai thác, sử dụng khá hiệu quả. Tuy nhiên còn một vài giáo viên lớn tuổi sử dụng các thiết bị hiện đại còn hạn chế [H6-3.5-02]; [H2-3.5-08]; [H1-1.1-02]. Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm chủ yếu là các thẻ từ, bảng biểu, chưa có nhiều đồ dùng mang tính sáng tạo và mang lại hiệu quả cao [H6-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đầu tư tốt trong việc trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng phục vụ cho hoạt động quản lý và giảng dạy. Huy động tốt việc thực hiện tài trợ các thiết bị dạy học hiện đại cho các lớp học.

100% các máy tính được kết nối internet, hệ thống wifi phủ sóng toàn

trường. Việc khai thác sử dụng thiết bị đồ dùng khá khá hiệu quả.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên lớn tuổi sử dụng các thiết bị hiện đại còn hạn chế.

Chưa có nhiều đồ dùng dạy học tự làm mang tính sáng tạo và mang lại hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2021, chỉ đạo tăng cường các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm sử dụng thiết bị hiện đại giữa các giáo viên trong các buổi sinh hoạt chuyên môn khối. Động viên các giáo viên lớn tuổi tích cực học hỏi cách sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại để thành thạo hơn.

Tăng phần điểm ở tiêu chí sáng tạo trong thang điểm chấm đồ dùng dạy học để khích lệ giáo viên có sự đầu tư suy nghĩ làm ra những đồ dùng dạy học có tính sáng tạo và hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường trang bị đủ số lượng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, báo và tạp chí theo danh mục tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H6-3.6-01].

Thư viện có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng nhằm phục vụ hoạt động dạy và học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H6-3.6-02].

Thư viện mở cửa thường xuyên phục vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H6-3.6-03]. Trường có thực hiện tủ sách lưu động phục vụ tốt cho bạn đọc trong các giờ chơi, giờ nghỉ giữa hai buổi học [H6-3.6-04].

Hằng năm, thư viện có thực hiện kiểm kê sách theo quy định, thường xuyên bổ sung kịp thời các loại đầu sách, báo, tạp chí phục vụ nhu cầu tham khảo, nhu cầu giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh [H6-3.6-05]; [H6-3.6-06].

Mức 2, mức 3:

Nhiều năm liền thư viện trường được công nhận đạt Thư viện xuất sắc [H6-3.6-07].

Thư viện được trang bị 04 máy tính kết nối internet, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H6-3.6-08]. Hiện nay, công nghệ thông tin phát triển, giáo viên tra cứu trên điện thoại nhanh và thuận tiện nên số giáo viên đến thư viện đọc sách không nhiều.

2. Điểm mạnh

Nhiều năm liền, thư viện trường đạt thư viện xuất sắc.

Hoạt động của thư viện đáp ứng tốt cho nhu cầu đọc sách của giáo viên, học sinh trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Số giáo viên đến thư viện đọc sách không nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện tăng cường bổ sung các đầu sách tham khảo và thực hiện tốt hoạt động giới thiệu sách đến giáo viên, nhân viên, học sinh để số lượt giáo viên đến thư viện đọc sách nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường thoáng mát, sạch, đẹp, an toàn.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục.

Thư viện nhà trường đạt thư viện xuất sắc, hệ thống máy tính được nối mạng internet phục vụ cho công tác quản lý, hoạt động dạy học.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu $8\text{m}^2/1\text{HS}$.

Diện tích một số phòng học chưa đạt tiêu chuẩn $1,25\text{m}^2/\text{HS}$. Phòng học chưa có 2 cửa ra vào.

Chưa có phòng giáo dục nghệ thuật và khu nhà ăn, nhà nghỉ cho học sinh bán trú; phòng truyền thống và hoạt động Đội còn chung với phòng thiết bị.

Khu vệ sinh chỉ có ở tầng trệt, không thuận tiện và chưa đủ số lượng bồn tiêu, chậu xí theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1: 4/6 (các tiêu chí: 3.1, 3.2, 3.3, 3.4)

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu các Mức 2, 3 (nếu có): 2/6 (các tiêu chí 3.5, 3.6)

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường xây dựng tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục HS. Trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhằm huy động nguồn lực xây dựng môi trường giáo dục và phát triển nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức trong mỗi năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp do cha mẹ học sinh đang theo học ở từng lớp cử ra để phối hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục. Mỗi lớp có một Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm có 3 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên [H1-4.1-01]. Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường được thành lập qua Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh. Ban đại diện CMHS trường gồm 15 thành viên: 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban, 12 ủy viên [H1-4.1-02]. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận đúng theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh được ghi trong biên bản cuộc họp [H1-4.1-03]; H1-4.1-04].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh có xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học [H1-4.1-05].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh họp định kỳ 03 lần/năm để triển khai thực hiện kế hoạch, phối hợp với Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và nhà trường tổ chức hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh, cũng như để hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh [H1-4.1-03]; H1-4.1-04].

Mức 2, mức 3:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, kịp thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H1-4.1-03]; [H1-4.1-04]; [H1-4.1-05]; [H1-4.1-07]; [H1-1.1-02].

Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động chủ động, tích cực, thực sự phát huy vai trò cùng phối hợp tốt với nhà trường trong công tác vận động tài trợ, vận động ủng hộ quỹ khuyến học để kịp thời chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-4.1-03]; [H1-4.1-04]; [H5-1.6-16]; [H3-4.1-06]; [H1-4.1-07]. Ban đại diện Cha mẹ học sinh cũng đã phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác; vận động học sinh không bỏ học [H1-4.1-07].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

Ban đại diện CMHS nhiệt tình, năng động, phối hợp hiệu quả với nhà trường trong hoạt động giáo dục HS và xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Ban đại diện CMHS.

Tăng cường thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS thông qua các cuộc họp, hộp thư góp ý để công tác phối hợp ngày càng đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện về kế hoạch giáo dục của nhà trường: Tham mưu trong công tác phổ biến, tuyên truyền kế hoạch tuyển sinh, vận động trẻ 6 tuổi vào lớp 1, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, thực hiện phổ cập giáo dục [H1-4.2-01]; kí kết với công

an Phường 1 đảm bảo an ninh trật tự, hỗ trợ ổn định trật tự trước cổng trường... [H1-4.2-02].

Hiệu trưởng và giáo viên tuyên truyền sâu rộng trong cha mẹ học sinh về trách nhiệm của gia đình và xã hội trong công tác giáo dục, trách nhiệm của cha mẹ đối với con em mình [H1-4.1-03]; [H1-4.1-04]. Nhà trường đã triển khai đến phụ huynh Luật Bảo hiểm y tế, Luật Giao thông, Luật Trẻ em, Luật Giáo dục, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 về đánh giá học sinh tiểu học, Thông tư số 27/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học [H1-4.1-03]. Kịp thời tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường qua các bản tin trên cổng thông tin điện tử nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng góp phần tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục [H14-1.10-11].

Nhà trường thực hiện tốt việc huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, theo đúng quy định [H5-1.6-16]; [H3-4.1-06]; [H5-1.6-09].

Mức 2:

Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền về việc xây mới trường, giảm số lớp 1 tuyển sinh hằng năm để thực hiện chiến lược xây dựng phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-4.2-03].

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao, các nội dung giáo dục khác như sinh hoạt chủ điểm các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức các ngày hội, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan các bảo tàng, di tích lịch sử, chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H1-4.2-04]; [H9-1.3-12].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, huy động có hiệu quả các nguồn lực cùng góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thực hiện tốt kế hoạch giáo dục, chăm lo tốt học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh có sự liên hệ chặt chẽ, hoạt động hiệu quả, thực hiện nhiều công trình góp phần cải thiện cơ sở vật chất, cảnh quan nhà trường, nâng cao chất lượng dạy và học.

Nhà trường phối hợp tốt và nhận được sự hỗ trợ tích cực của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản

Còn có phần hạn chế trong công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân tổ chức các hoạt động xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 1, 2: 1/2 (tiêu chí: 4.2)

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu các Mức 3 : 1/2 (tiêu chí 4.1)

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục theo đúng quy định về chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng. Có kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu để nâng cao kết quả giáo dục. Đội ngũ GV có nhiều sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tốt khả năng tự giác, tích cực chủ động của HS. Hằng năm, trường luôn đạt các chỉ tiêu được giao; kết quả giáo dục ổn định và có chiều hướng phát triển đi lên.

Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá cũng như việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho HS thông qua các tiết dạy bộ môn và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Luôn quan tâm đến công tác PCGD tiểu học, tạo mọi điều kiện để tất cả trẻ em trong độ tuổi đi học trong địa bàn đều được đến trường, có biện pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện tốt công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong nhà trường phổ thông.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường thực hiện giảng dạy theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học Ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 9832/BGD&ĐT ngày 01 tháng 9 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học từ lớp 1, 2, 3, 4, 5; Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]; [H2-5.1-01].

Kế hoạch giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện bao gồm các hoạt động: Hoạt động giảng dạy chính khóa, dạy học 2 buổi/ngày, đổi mới kiểm tra đánh giá, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh, hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, nghiên cứu khoa học, giáo dục an toàn giao thông, phát triển văn hóa đọc trong nhà trường, hoạt động bán trú đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe [H1-1.8-01]; [H2-5.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-06].

Kế hoạch giáo dục được giải trình và được cơ Phòng Giáo dục và Đào tạo xác nhận [H1-1.8-01].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo về chuyên môn theo từng năm học của cơ quan quản lý giáo dục [H1-1.8-01]; [H2-5.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-06].

Có thực hiện phổ biến, công khai kế hoạch giáo dục trên cổng thông tin điện tử của trường và niêm yết tại bản tin nhà trường để giáo viên, học sinh, cha

mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch [H14-1.10-11].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục, phù hợp với thực tế, cụ thể các hoạt động giáo dục thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện.

Kế hoạch giáo dục được phổ biến công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được. Hằng năm, cập nhật tốt các văn bản chỉ đạo về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục, xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp điều kiện thực tế nhà trường, bên cạnh thực hiện tốt hoạt động giảng dạy, tăng cường các hoạt động giáo dục phẩm chất, năng lực người học, hoạt động trải nghiệm, sáng tạo giúp học sinh phát triển toàn diện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực học sinh. Các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.8-01]; [H2-5.2-01]; [H2-5.2-02]; [H4-1.5-02].

Đa số giáo viên lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H2-3.5-08]; [H1-1.1-02]; [H1-1.2-07].

Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học quy định tại Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 27/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học: Đảm bảo đúng các yêu cầu đánh giá; thực hiện tốt việc đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ về học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; đề kiểm tra định kỳ phù hợp chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức quy định [H4-2.4-01]; [H2-5.2-03]; [H2-5.2-04]; [H2-5.2-05].

Mức 2 và mức 3

Trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H1-1.8-01]; [H2-5.2-01]; [H2-5.2-02]. Triển khai thực tốt các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên giúp đa số giáo viên lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Tuy nhiên còn một vài giáo viên chưa nhanh nhạy trong việc tiếp thu và vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học mới [H2-1.4-09]; [H2-3.5-08].

Trường kịp thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H2-5.2-06]; [H4-5.2-07]; [H3-5.2-08].

Hằng năm, trường có thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Triển khai thực hiện tốt việc đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 27/TT-BGDĐT, đặc biệt là việc xây dựng ma trận và ra đề kiểm tra đảm bảo theo các mức độ quy định.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên chưa nhanh nhạy trong việc tiếp thu và vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy việc thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giáo dục. Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục; kịp thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học sinh góp phần ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục.

Cán bộ quản lý thường xuyên dự giờ, thăm lớp góp ý, tư vấn giúp GV linh hoạt hơn trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của HS trong hoạt động học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) *Đảm bảo theo kế hoạch;*
- b) *Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*
- c) *Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo đúng kế hoạch đã đề ra: Tham quan học tập ngoại khóa 2 lần/năm học [H1-5.3-01]; tổ chức ngày hội: Hội Trăng Rằm, ngày hội giao tiếp tiếng Anh, hội chợ Xuân, lễ hội Giỗ Quốc tổ Hùng Vương [H1-5.3-02]; hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, bảo vệ môi trường, lao động công ích, các hoạt động xã hội khác [H1-5.3-03]; [H9-5.3-04].

Nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động ngoại khóa phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường [H1-5.3-01]; [H1-5.3-02]; [H1-5.3-03]; [H9-5.3-04]; [H14-5.3-05].

Các hoạt động ngoại khóa của nhà trường luôn đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia [H1-5.3-01]; [H1-5.3-02]; [H1-5.3-03]; [H9-5.3-04].

Mức 2 và mức 3:

Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức mang lại hiệu quả giáo dục cao, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H1-5.3-02]; [H1-5.3-03]; [H9-5.3-04]; [H1-1.1-02]; [H1-1.2-07]; [H1-5.2-08];

Trường đã tổ chức nhiều câu lạc bộ năng khiếu phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh: Câu lạc bộ tin học, Tiếng Anh, bóng rổ, võ thuật, mỹ thuật [H1-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường luôn quan tâm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động ngoại khóa. Nội dung hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả giáo dục cao, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Xây dựng và thực hiện tốt các câu lạc bộ năng khiếu phát huy được năng lực sở trường của học sinh.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy việc thực hiện chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hằng năm, tăng cường đổi mới về nội dung và hình thức nhằm thu hút học sinh tích cực, chủ động tham gia.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc tổ chức các sân chơi, câu lạc bộ theo nhu cầu nhằm giúp học sinh phát triển tốt năng lực, sở trường của cá nhân.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1, 2, 3:

Trường có sự phối hợp tốt cùng địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công. Làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến rộng rãi kế hoạch tuyển sinh lớp 1, kịp thời lập danh sách học sinh chưa ra lớp phối hợp với địa phương vận động gọi trẻ ra lớp [H7-5.4-01]; [H1-5.4-02]; [H1-5.4-03]. Hằng năm, trường luôn hoàn thành xuất sắc công tác phổ cập giáo dục [H1-5.4-04].

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H7-5.4-01]; [H1-5.4-03]; [H1-1.1-02].

Trường thực hiện quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định [H7-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương trong việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, 100% HS trong độ tuổi được gọi vào lớp 1; thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Hằng năm đều đạt giấy khen về thành tích hoàn thành xuất sắc công tác phổ cập giáo dục.

3. Điểm yếu

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Đẩy mạnh hơn các biện pháp duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng giáo dục nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi tại địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1, 2, 3:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 99,5% [H2-5.5-01]; [H1-5.5-02].

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 98%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt cao trên 99,5%. Nhiều năm liền, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học là 100%. Học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 98%.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

- Kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, phù hợp với thực tế, thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

- Triển khai thực hiện tốt việc đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 27/TT-BGDĐT, đặc biệt là việc xây dựng ma trận và ra đề kiểm tra đảm bảo theo các mức độ quy định.

- Các hoạt động ngoại khóa có nội dung, hình thức tổ chức phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả giáo dục cao, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

- Nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc công tác phổ cập giáo dục.

- Chất lượng giáo dục của trường vượt trội và luôn được duy trì, giữ vững.

Điểm yếu cơ bản:

Còn một vài giáo viên chưa nhanh nhạy trong việc tiếp thu và vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu các Mức 1, 2, 3 : 5.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 .

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ có cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đủ năng lực trình độ, làm việc hiệu quả. Cơ sở vật chất khá khang trang, các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học theo tinh thần đổi mới. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một nâng cao. Đối chiếu kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường đã đạt được trong những năm qua với các chỉ báo trong từng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, trường Tiểu học Lê Văn Sĩ, Quận Tân Bình tự đánh giá như sau:

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 27/27, tỷ lệ: 100%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/27, tỷ lệ: 0%.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 20/27, tỷ lệ: 74,07%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 7/27, tỷ lệ: 25,93%.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 12/19, tỷ lệ: 63,16%;

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 7/19, tỷ lệ: 36,84%.

Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ, quận Tân Bình tự đánh giá đạt: Mức 1.

Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ, quận Tân Bình đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Tân Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tân
Nguyễn Thị Tân

